

Số: /2022/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 576/TTr-TNMT ngày 07/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bổ sung Điều 8a Chương II như sau:

“Điều 8a. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư

1. Nội dung thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

2. Thời điểm thẩm định các điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đồng thời với việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất của chủ đầu tư trước khi giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ trường hợp giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.”

2. Bổ sung Điều 15a vào Chương III như sau:

“Điều 15a. Xác định nhu cầu sử dụng đất khi cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân sang đất ở

1. Việc cho phép hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng sang đất ở phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 52 Luật Đất đai năm 2013, không thuộc quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai; trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Việc xác định nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, thành phố khi lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện làm căn cứ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng sang đất ở (trừ trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai và các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều này) phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Địa chỉ thửa đất đề nghị chuyển mục đích phải cùng địa chỉ thường trú của hộ gia đình, cá nhân theo đơn vị hành chính cấp xã. Hộ gia đình, cá nhân phải có đăng ký thường trú (hoặc thường trú theo Luật Cư trú số 468/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội) tại xã, phường, thị trấn trước 24 tháng kể từ thời điểm tiếp nhận đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở.

Trường hợp hộ gia đình phát sinh thêm cặp vợ chồng đủ điều kiện tách hộ thì một trong các thành viên trong hộ được tách ra phải có hộ khẩu thường trú (hoặc thường trú theo Luật Cư trú) tại xã, phường, thị trấn nơi có thửa đất đề nghị chuyển mục đích trước ít nhất 24 tháng tính từ thời điểm tiếp nhận đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất; hộ gia đình sau khi tách hộ không còn đất ở hoặc nhà ở nào khác trong địa bàn huyện, thành phố.

b) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt (đối với nơi đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết).

c) Diện tích đề nghị chuyển mục đích đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất cho hộ gia đình, cá nhân và đã được cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất, không có tranh chấp, kê biên và không nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình có quy định hành lang bảo vệ; phải phù hợp và đảm bảo việc kết nối hạ tầng kỹ thuật của địa phương.

d) Diện tích được phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở trong thửa đất nông nghiệp không được vượt quá hạn mức giao đất ở tại địa phương do UBND tỉnh quy định tại thời điểm thẩm định, trừ trường hợp cho phép chuyển mục đích diện tích đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở được quy định tại Điều 103 Luật Đất đai.

đ) Thửa đất chuyển mục đích đất cho hộ gia đình, cá nhân có vị trí không nằm tiếp giáp đường quốc lộ, đường tỉnh hoặc đường quy hoạch tương đương.

3. Trường hợp lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp huyện làm căn cứ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở phục vụ công tác thu hồi đất ở, đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở của hộ gia đình cá nhân để thực hiện các dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của cấp có thẩm quyền và giải quyết các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ) thì chỉ cần đáp ứng các quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và các quy định của pháp luật liên quan.

4. Danh sách các thửa đất nông nghiệp cho phép chuyển mục đích sử dụng sang đất ở trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phải được thể hiện tại Biểu số 10/CH, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; trong đó phải thể hiện vị trí, diện tích trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương cho phép hộ gia đình, cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích 0,5 ha trở lên; quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý biến động, thực hiện luân chuyển thông tin địa chính theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định nhu cầu, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

đ) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, thanh tra việc sử dụng đất của người sử dụng đất, xử lý vi phạm theo quy định.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy định này và quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thông báo, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện việc ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư; chấp thuận việc bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với chủ đầu tư về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

b) Cung cấp hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án đầu tư có sử dụng đất (khi có đề nghị).

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy định này và quy định của pháp luật.

3. Sở Công Thương

a) Là cơ quan đầu mối tiếp nhận tiền ký quỹ hoặc chấp thuận việc bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện về nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy định này và quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng

a) Phối hợp thẩm định hoặc cung cấp thông tin về hiện trạng công trình và các nội dung chuyên ngành đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất.

b) Tham gia ý kiến thẩm định về sự phù hợp quy hoạch chung, quy hoạch phân khu (nếu có), quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt đối với dự án đầu tư có sử dụng đất; chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, phát triển nhà ở (đối với dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn, nhà ở).

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy định này và quy định của pháp luật.

5. Sở Tài chính

a) Thông báo bằng văn bản các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định.

b) Tham gia ý kiến thẩm định về yêu cầu năng lực tài chính của chủ đầu tư dự án; năng lực tài chính của nhà đầu tư tham gia dự án.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lựa chọn phương pháp xác định giá đất.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định trình UBND tỉnh chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp sang mục đích khác (đối với dự án có sử dụng đất lâm nghiệp);

b) Tham gia ý kiến thẩm định về sự phù hợp quy hoạch phát triển rừng, hành lang thoát lũ, hành lang an toàn các công trình thủy lợi.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Cục Thuế tỉnh

a) Tổ chức thông báo và thu các nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lựa chọn phương pháp xác định giá đất.

c) Chỉ đạo Chi cục Thuế khu vực thông báo đến các hộ gia đình, cá nhân được UBND cấp huyện giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy định này và quy định của pháp luật.

8. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Tiếp nhận tiền ký quỹ hoặc chấp thuận việc bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp thực hiện về nghĩa vụ ký quỹ (nếu có) để bảo đảm thực hiện dự án.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

9. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tham gia ý kiến thẩm định về mức độ ảnh hưởng đến vấn đề quốc phòng đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất.

10. Công an tỉnh tham gia ý kiến thẩm định về mức độ ảnh hưởng đến vấn đề an ninh đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã

1. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Thẩm định, xác nhận (bằng văn bản) diện tích đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Sở Tài chính; tổ chức xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, xác định loại đất đối với các đề xuất dự án thuộc trường hợp phải trình UBND tỉnh có văn bản cho phép nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án phi nông nghiệp.

b) Tổ chức việc bàn giao đất tại thực địa sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất của UBND tỉnh.

c) Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền. Tham gia ý kiến và thẩm định nhu cầu sử dụng đất theo thẩm quyền.

d) Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền. Trường hợp cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích 0,5 ha trở lên, tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện:

- Thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện công tác bàn giao đất tại thực địa sau khi có Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, gửi 01 bộ hồ sơ (đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất cho tổ chức) về Sở Tài nguyên và Môi trường; ký hợp đồng thuê đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định nhu cầu, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; xác định hạn mức đối với trường hợp cho phép hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất ở.

- Tham mưu UBND cấp huyện lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; thực hiện việc cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; chủ trì, cùng các cơ quan, UBND các xã, phường, thị trấn kiểm tra việc sử dụng đất của chủ đầu tư, người sử dụng đất, xử lý vi phạm hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.

- Chỉnh lý hồ sơ địa chính; cập nhật đầy đủ thông tin vào cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

2. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Niêm yết công khai quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thông báo thu hồi đất tại trụ sở và tại các điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi, thông báo trên hệ thống đài truyền thanh của cơ sở.

b) Xác nhận loại đất, nguồn gốc sử dụng đất trong quá trình bồi thường, giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

c) Quản lý đất đai trên địa bàn theo quy định của pháp luật; thiết lập hồ sơ quản lý chặt chẽ quỹ đất công trên địa bàn (bao gồm quỹ đất được UBND tỉnh, UBND cấp huyện giao quản lý tại các quyết định giao đất, cho thuê đất) không để

xảy ra lấn chiếm, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất. Thường xuyên thực hiện việc rà soát, thống kê các tổ chức được giao, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các trường hợp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đất đai theo thẩm quyền; xây dựng kế hoạch, phương án giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân không phải đấu giá quyền sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

1. Liên hệ với các sở, ngành liên quan để được hướng dẫn việc lập hồ sơ dự án đầu tư, cho phép nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thẩm định nhu cầu, điều kiện, lập hồ sơ giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; các quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai.

2. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ đã cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan UBND cấp huyện, cấp xã nhận bàn giao đất tại thực địa, ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

4. Quản lý, sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích được giao; sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, đảm bảo vệ sinh, môi trường và tuân thủ pháp luật có liên quan.

5. Thực hiện các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất, tài sản Nhà nước thu hồi (đối với các trường hợp Nhà nước thu hồi đất); thỏa thuận với các chủ sử dụng đất để được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất (đối với các trường hợp Nhà nước không thu hồi đất), chỉ được phép nhận chuyển nhượng sau khi có Văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian nghĩa vụ tài chính theo quy định.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Quy định về trình tự, thủ tục khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thay thế cụm từ “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” thành “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” tại điểm b khoản 1 Điều 10 và Điều 11 và “Giấy phép đăng ký kinh doanh” thành “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” tại điểm b khoản 1 Điều 12 và Điều 13.

2. Thay thế cụm từ “Giấy chứng nhận đầu tư” thành “Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư” tại điểm b khoản 1 Điều 9, điểm c khoản 1 Điều 10, Điều 11 và Điều 14 và Mẫu số 01, Mẫu số 06.

3. Bỏ cụm từ “đấu thầu dự án có sử dụng đất”, “đấu thầu dự án” và “đấu thầu dự án đầu tư” tại Điều 13.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2022.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Vụ Pháp luật- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế của các Bộ: Tài chính, TNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- VP ĐĐBQH&HĐND tỉnh,
các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng;
- + Trung tâm Thông tin (công bố);
- + Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích